

NGÔN NGỮ

l a n g u a g e

ISSN: 0866-7519

số 9 (371)

2021



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGÔN NGỮ HỌC

NGON NGU

N ă m t h ú 5 1

RA HÀNG THÁNG

LANGUAGE

51st YEAR

MONTHLY

Tổng Biên tập

ĐẶNG THỊ PHUỘNG

Hội đồng biên tập

Đặng Thị Phượng (chủ tịch)

Vũ Thị Hải Hà

Trịnh Thị Hà

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Huỳnh Thị Hồng Hạnh

Phạm Hiến

Nguyễn Văn Hiệp

Phan Lương Hùng

Trịnh Cẩm Lan

Phạm Văn Lam

Nguyễn Thị Phương

Trần Kim Phượng

Nguyễn Tài Thái

Trưởng phòng Phòng Biên tập - Trị sự

PHẠM HIẾN

Biên tập viên

NGUYỄN THỊ UYÊN

Biên tập và hiệu đính tiếng Anh

VŨ THỊ THANH HƯƠNG

Editor-in-Chief

DANG THI PHUONG

Editorial Board

Dang Thi Phuong (chairperson)

Vu Thi Hai Ha

Trinh Thi Ha

Nguyen Thi Bich Hanh

Huynh Thi Hong Hanh

Pham Hien

Nguyen Van Hiep

Phan Luong Hung

Trinh Cam Lan

Pham Van Lam

Nguyen Thi Phuong

Tran Kim Phuong

Nguyen Tai Thai

Head of Editorial - Administrative

PHAM HIEN

Editor

NGUYEN THI UYEN

English Editor

VU THI THANH HUONG

Trụ sở/ Office: Số 9, Kim Mã Thượng, Ba Đình, Hà Nội

Tel: Tổng Biên tập/ Editor-in-Chief: 024.37674580

Email: phuongtdbk36@gmail.com

Phòng Biên tập - Trị sự/ Editorial - Administrative: 024. 37674584

Email: tapchingonngu@gmail.com

Website: vienngonnguhoc.gov.vn

Số giấy phép xuất bản: 113/GP-BVHTT Ngày 22/4/2013. Nơi in: Viện Thông tin Khoa học xã hội.

Phát hành qua mạng lưới Bưu điện Việt Nam.

NGÔN NGỮ

SỐ 9 - 2021

MỤC LỤC

NGUYỄN THỊ NHUNG - ĐÀO THỊ CHÂM:	Chức năng ngữ pháp, ngữ nghĩa của tính từ trong câu tiếng Việt (qua khảo sát tác phẩm <i>Mắt biếc</i> của Nguyễn Nhật Ánh).....	3
NGUYỄN BÍCH NGỌC - PHẠM HIỀN:	Mô hình cấu tạo đoạn ngữ của thuật ngữ phòng cháy chữa cháy tiếng Anh.....	13
NGUYỄN THỊ HẠNH PHƯƠNG:	Sự phát triển ngữ nghĩa của từ <i>ĐỎ</i> và <i>ĐEN</i> trong tiếng Việt trên cơ sở nghiệm thân.....	24
LÊ THỊ MINH THẢO - LẠI MINH THƯ - PHẠM NGUYỄN BÌNH NGUYỄN:	Vấn đề giới trong tên người Việt.....	34
MAI THỊ NGỌC ANH - ĐỖ THỊ QUÝ LAN:	Đối chiếu ngữ nghĩa và hàm ý văn hóa của động từ <i>먹</i> (<i>ngật</i>) trong tiếng Hán và động từ <i>ăn</i> trong tiếng Việt.....	47
HỒ THỊ THOẠI:	Một số miền nguồn cơ bản trong diễn ngôn chính trị trên báo <i>Nhân Dân điện tử</i>	58
PHẠM MAI KHÁNH - ĐỖ THANH LOAN:	Về tính tự chủ và một số giải pháp thúc đẩy tính tự chủ của người học tiếng Anh không chuyên ở bậc đại học.....	69

LANGUAGE

VOL. 9 - 2021

CONTENTS

NGUYEN THI NHUNG - DAO THI CHAM:	Grammatical and semantic functions of adjectives in Vietnamese sentences.....	3
NGUYEN BICH NGOC - PHAM HIEN:	Structural models of phrasal fire terms in English	13
NGUYEN THI HANH PHUONG:	The semantic development of ĐỎ và ĐEN in Vietnamese from an embodiment perspective	24
LE THI MINH THAO - LAI MINH THU - PHAM NGUYEN BINH NGUYEN:	Gender features in Vietnamese personal names	34
MAI THI NGOC ANH - DO THI QUY LAN:	A contrastive analysis of the semantics and cultural implications of the verb 吃 (ngật) in Chinese and the verb ăn in Vietnamese	47
HO THI THOA:	Some common source domains in political discourse in <i>Nhandan</i> online.....	58
PHAM MAI KHANH - DO THANH LOAN:	Learner autonomy and some solutions to promote the autonomy of non-English majored learners at tertiary education.....	69

VỀ TÍNH TỰ CHỦ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY TÍNH TỰ CHỦ CỦA NGƯỜI HỌC TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN Ở BẬC ĐẠI HỌC

PHAM MAI KHÁNH¹

ĐỖ THANH LOAN²

Abstract: Learning languages in general and English in particular is always a challenge for learners, especially students at universities. During the ongoing coronavirus pandemic, learners often have to self-study without or with little support from teachers, learners mainly access knowledge through the Internet and online learning channels. To achieve high efficiency in learning English, the autonomy of learners plays an important role in determining the success and quality of learning. Therefore, this study aims at studying learner autonomy and factors that affect the autonomy of university learners. As a result, the authors have come up with a number of solutions to promote learners' autonomy, especially in the context of the prolonged coronavirus pandemic.

Key words: *autonomy, learning English at tertiary education, factors, solutions to promote learners' autonomy.*

1. Đặt vấn đề

Trong thời kì Công nghiệp 4.0, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Công nghệ Thông tin, người học có thể tìm hiểu thông tin và kiến thức nhanh chóng qua hệ thống mạng Internet. Bên cạnh đó, thông qua các phần mềm học trực tuyến (Zoom, Google Classroom, Microsoft Teams,...), người học có thể trao đổi, thảo luận các vấn đề học tập với giáo viên và bạn học. Tuy nhiên, đối mặt với một thế giới mà tốc độ kiến thức đang tăng nhanh, người học phải chủ động tìm hiểu và nâng cao tính tự chủ trong việc lĩnh hội kiến thức mới nhằm học để biết, học để làm, học để chung sống, học để trưởng thành - quan điểm 4 trụ cột giáo dục thế kỉ XXI [4].

Hiện nay, phương pháp giáo dục lấy người học làm trung tâm (learner-centered) ngày càng được áp dụng phổ biến trong các bậc học, đặc biệt là bậc đại học. Nhờ có phương pháp này mà người học được tăng cường tính tự học và tự chủ trong việc liên tục, tự nguyện và tự động viên học theo đuổi kiến thức [13]. Đối với người học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng, việc tự chủ trong học tập là một vấn đề cấp bách hơn bao giờ hết. Ngoài việc học với thầy cô, người học cần học và thực hành với bạn bè và những người xung quanh, đồng thời phải nắm được mục tiêu học tập, lập được kế hoạch học tập, sử dụng hiệu quả thời gian học tập, theo dõi và đánh giá quá trình học tập của bản thân [2]. Bên cạnh đó, người học cũng cần chủ động tự tìm hiểu

thông tin, cách thức học tập thông qua các phương tiện công nghệ thông tin tiên tiến như máy tính, công nghệ mạng, v.v...

Vì vậy, mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu về tính tự chủ và các yếu tố ảnh hưởng đến tính tự chủ của người học tiếng Anh ở bậc đại học. Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát ý kiến của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đó tới tính tự chủ của người học, đồng thời cũng phỏng vấn giáo viên về cách thức thúc đẩy tính tự chủ của người học. Từ đó nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp thúc đẩy tính tự chủ của người học giúp nâng cao chất lượng học tập, đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid kéo dài.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm tính tự chủ của người học

Theo Holec, tính tự chủ của người học là “khả năng phụ trách việc học của riêng một người” [5, tr.3]. Điều này có nghĩa là cá nhân đó sẽ chịu trách nhiệm đưa ra những quyết định về mặt tổ chức và quản lý học tập, thiết lập mục tiêu học tập, nội dung học tập, lựa chọn phương pháp học tập phù hợp, giám sát quá trình tiếp thu kiến thức, đánh giá kết quả và sự tiến bộ đạt được. Theo đó, tính tự chủ của người học là khả năng nhận biết cách thức học tập thay vì tìm cách để có được khả năng này.

Phát triển thêm quan niệm của Holec về tính tự chủ của người học, Little nhấn mạnh “sự tự chủ về cơ bản là một vấn đề thuộc tâm lý của người học, mối quan hệ tâm lý với quá trình và nội dung học tập - khả năng làm việc độc lập, tư duy phản biện, ra quyết định và hành động độc lập” [7, tr.4]. Điều này có nghĩa là người học nên có sự chuẩn bị về mặt tâm lý cho quá trình học tập và nội dung học tập.

Trong khi đó, Morrison chú ý nhiều hơn đến sự cần thiết của việc hỗ trợ từ giáo viên hoặc bạn học trong quá trình học ngôn ngữ. Ông cho rằng tính tự chủ của người học cần “không phải là một trải nghiệm đơn lẻ mà là một trải nghiệm trong đó người học, kết hợp với những người khác có liên quan, có thể đưa ra quyết định cần thiết để đáp ứng nhu cầu của họ” [10, tr.31].

Có cùng quan điểm với các nhà nghiên cứu trên, Nguyen định nghĩa tính tự chủ của người học là “sự sẵn sàng, khả năng chịu trách nhiệm, lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá việc học của người học với sự hướng dẫn và hỗ trợ từ giáo viên” [11, tr.21]. Vì vậy, sự tương tác cũng như giao tiếp giữa người học và người dạy đóng một vai trò quan trọng trong học tập tự chủ. Bên cạnh đó, người học cũng phải có tinh thần chủ động và tích cực sẵn sàng tham gia học tập.

Trong các khái niệm nêu trên, khái niệm của Nguyen [11] mang tính tổng quát và toàn diện nhất. Quan điểm đó được nhóm tác giả sử dụng làm căn cứ để thực hiện nghiên cứu này.

2.2. Tiêu chí về tính tự chủ của người học tiếng Anh không chuyên bậc đại học

Các tiêu chí về tính tự chủ của người học bao gồm:

- Động lực học ngôn ngữ

Động lực học ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong sự tự chủ của người học. Theo Deci & Ryan, động lực học tập được tạo ra và thúc đẩy trong môi trường học tập tự chủ. Họ cho rằng

1 tự chủ của người học có trước động lực học tập. Họ đã phân loại động lực gồm hai loại là động lực bên trong (intrinsic motivation) và động lực bên ngoài (extrinsic motivation) [3]. Trong đó, động lực bên trong là những nhân tố bên trong của người học thúc đẩy họ hoàn thành nhiệm vụ và bắt nguồn từ sự thỏa mãn, yêu thích công việc mà họ đang thực hiện. Động lực bên ngoài là những yếu tố khách quan như phần thưởng hoặc hình phạt tác động đến hành động của người học [1]. Cả hai động lực này liên kết động lực với tính tự chủ của người học, bởi vì động lực bên trong xuất phát từ hoàn cảnh nơi người học chịu trách nhiệm về việc học, và việc thực hiện trách nhiệm là một trong những khái niệm chính của tính tự chủ.

- Chiến lược học ngôn ngữ

Trong việc tiếp thu một ngôn ngữ, chiến lược học tập có vai trò hết sức thiết yếu. Oxford định nghĩa chiến lược học tập là “các hành động cụ thể do người học thực hiện để học tập dễ dàng hơn, nhanh hơn, thú vị hơn, tự định hướng hơn, hiệu quả hơn và hơn thế nữa có thể chuyển tiếp cho những tình huống mới” [12, tr.8]. Nhờ các chiến lược học tập, người học có thể sử dụng, lưu trữ và truy xuất ngôn ngữ mới. Ông đã phân loại các chiến lược học ngôn ngữ thành hai loại: chiến lược trực tiếp (direct strategy) và chiến lược gián tiếp (indirect strategy). Ông cũng định các chiến lược học nói chung là dấu hiệu tính tự chủ của người học.

- Niềm tin học ngôn ngữ

Niềm tin trong việc học ngôn ngữ là “những quan điểm của người học về nhiệm vụ học ngôn ngữ đích” [6, tr. 29]. Đối với người học ngôn ngữ, niềm tin là một yếu tố cơ bản luôn được đề cập trong các nghiên cứu giáo dục. Niềm tin có mối quan hệ tích cực với tính tự chủ của người học. Nó có thể tác động một cách trực tiếp tới tính tự chủ, đồng thời có thể tác động gián tiếp thông qua chiến lược học ngôn ngữ và động lực học ngôn ngữ.

- Sự lo lắng khi học ngôn ngữ

Sự lo lắng khi học ngôn ngữ là “cảm giác căng thẳng và sự e ngại liên quan cụ thể đến ngữ pháp ngôn ngữ thứ hai, bao gồm nói, nghe và học” (MacIntyre & Gardner, 1994) [9, 284]. Cũng giống như yếu tố niềm tin trong việc học ngôn ngữ, thì sự lo lắng cũng có tác động trực tiếp và gián tiếp đối với tính tự chủ của người học. Sự lo lắng khi học ngôn ngữ đóng vai trò như một rào cản số độc lập trong mối quan hệ của nó với tính tự chủ (ảnh hưởng trực tiếp). Bên cạnh đó, nó cũng có thể tác động đến tính tự chủ thông qua chiến lược học ngôn ngữ và động lực học ngôn ngữ (ảnh hưởng gián tiếp).

- Vai trò của giáo viên

Hiện nay, tính tự chủ của người học ngày càng được quan tâm hơn trong lĩnh vực giáo dục. Người học là động lực thúc đẩy tính tự chủ của người học trong việc học ngoại ngữ. Vì vậy, để khuyến khích sự chủ động, tính sáng tạo và trách nhiệm trong quá trình học ngôn ngữ của người học thì sự hỗ trợ và giám sát của giáo viên là hết sức cần thiết. Little khẳng định: “Đối với hầu hết người học, sự phát triển của tính tự chủ đòi hỏi sự kích thích, hiểu biết sâu sắc và sự hướng dẫn của một người thầy tốt” [8, tr.4]. Trong các phương pháp giảng dạy hiện đại, giáo viên được coi như là người hỗ trợ, nhà tư vấn và cộng tác viên trong việc phát triển tính tự chủ của người học.

3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

3.1. Câu hỏi nghiên cứu

Để xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới tính tự chủ của người học và giải pháp nâng cao tính tự chủ của người học, nghiên cứu này tập trung trả lời hai câu hỏi sau:

- (1) Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới tính tự chủ của người học tiếng Anh bậc đại học như thế nào?
- (2) Làm cách nào để thúc đẩy tính tự chủ của người học tiếng Anh bậc đại học?

3.2. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu định lượng và định tính, trong đó dữ liệu được thu thập bằng bảng khảo sát và bảng câu hỏi phỏng vấn. Nội dung bảng khảo sát và câu hỏi phỏng vấn được nhóm tác giả tham khảo và chỉnh sửa từ Bảng câu hỏi của tác giả Cheng, J. F. [2] để phù hợp với bối cảnh nghiên cứu. Về Bảng khảo sát đối với sinh viên, tác giả Cheng, J. F. sử dụng để điều tra nhận thức của người học tiếng Anh về tính tự chủ. Các câu hỏi bao gồm hai phần: câu hỏi mở (open-ended questions) và câu hỏi đóng (close-ended questions). Trong đó, đối với câu hỏi mở, các đối tượng tham gia đưa ra câu trả lời mà không bị hạn chế; đối với câu hỏi đóng, người tham gia được yêu cầu chọn câu trả lời thể hiện chính xác ý kiến của họ trong số các lựa chọn. Về Bảng phỏng vấn đối với giáo viên, tác giả sử dụng các câu hỏi để tìm hiểu nhận thức của giáo viên về tính tự chủ và cách thúc đẩy tính tự chủ của người học.

Dựa vào Bảng khảo sát và Bảng câu hỏi phỏng vấn của tác giả Cheng, J. F., nhóm nghiên cứu đã thiết kế Bảng khảo sát bao gồm 5 bảng nhỏ nhằm thu thập ý kiến của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố tới tính tự chủ của người học, bao gồm: *động lực học tiếng Anh*; *chiến lược học tiếng Anh*; *niềm tin trong việc học tiếng Anh*; *sự lo lắng khi học tiếng Anh* và *vai trò của giáo viên*. Các bảng khảo sát sử dụng giá trị trung bình (GTTB) để sắp xếp mức độ của các yếu tố ảnh hưởng tới tính tự chủ của người học. Giá trị trung bình được tính bằng công thức sau: $\text{Sum}(N1*0+N2*1+N3*2+N4*3+N5*4)/350$. Trong đó, N1: số lượng người chọn Hoàn toàn không đồng ý; N2: số lượng người chọn Không đồng ý; N3: số lượng người chọn Không ý kiến; N4: số lượng người chọn Đồng ý; N5: số lượng người chọn Hoàn toàn đồng ý.

Các ý kiến của sinh viên được đo theo thang điểm Likert. Thang điểm này được coi là mức đo khoảng cách trong nghiên cứu giáo dục. Trong nghiên cứu này, người tham gia khảo sát được yêu cầu khoanh tròn con số phản ánh tốt nhất lựa chọn của họ, được biểu thị bằng Likert 5 điểm, trong đó: 0 - Hoàn toàn không đồng ý; 1 - Không đồng ý; 2 - Không ý kiến; 3 - Đồng ý; 4 - Hoàn toàn đồng ý.

Đối với giáo viên, nhóm nghiên cứu thực hiện phỏng vấn với Bảng hỏi bao gồm 6 câu hỏi liên quan tới: *sự hiểu biết của giáo viên về tính tự chủ*; *cách giáo viên giới thiệu tính tự chủ cho người học*; *các yếu tố ảnh hưởng tới tính tự chủ*; *vai trò của giáo viên và cách thức thúc đẩy tính tự chủ của người học*.

3.3. Đối tượng khảo sát

Để tìm hiểu mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới tính tự chủ của người học và tìm ra giải pháp thúc đẩy tính tự chủ của người học, nghiên cứu tập trung vào khảo sát nhận thức của sinh

n và giáo viên về tính tự chủ và giải pháp thúc đẩy tính tự chủ của người học. Hai đối tượng là người trực tiếp tham gia vào quá trình học tập và giảng dạy. Vì vậy, họ có thể đưa ra những ý kiến xác thực do được trải nghiệm thực tế trong việc dạy và học tiếng Anh. Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 350 sinh viên không chuyên tiếng Anh đang học năm thứ ba của một trường đại học tại Hà Nội. Bên cạnh đó, 30 giáo viên được mời tham gia phỏng vấn cũng đến các trường đại học này. Các giáo viên đều có kinh nghiệm trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh (5-15 năm kinh nghiệm giảng dạy). Thời gian khảo sát và phỏng vấn được thực hiện vào cuối kì hai năm học 2020-2021.

3.4. Thu thập dữ liệu

Dữ liệu cho nghiên cứu này được khảo sát qua hình thức trực tuyến. Đối với nhóm đối tượng sinh viên, dữ liệu được thu thập qua bảng hỏi trực tuyến. Đối với nhóm đối tượng giáo viên, dữ liệu được thu thập qua phỏng vấn trực tuyến.

4. Kết quả và thảo luận

Trong phần này, kết quả thu được từ dữ liệu định lượng (khảo sát 350 sinh viên) và dữ liệu định tính (phỏng vấn 30 giáo viên) sẽ được trình bày một cách cụ thể. Việc phân tích kết quả nhằm mục đích trả lời các câu hỏi nghiên cứu nêu trong mục 3.1: (1) Tìm hiểu mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới tính tự chủ của người học và (2) Đề xuất một số giải pháp thúc đẩy tính tự chủ của người học. Dưới đây là kết quả chúng tôi thu được:

4.1. Kết quả khảo sát đối với sinh viên

4.1.1. Về động lực học tiếng Anh

Bảng 1 dưới đây nhằm khảo sát ý kiến của sinh viên không chuyên tiếng Anh về mức độ ảnh hưởng của động lực học tiếng Anh tới tính tự chủ của người học. Bảng này bao gồm 6 động lực học tiếng Anh, được sắp xếp theo thứ tự giảm dần dựa vào GTTB.

STT	Động lực học tiếng Anh	Giá trị trung bình	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Để thi đỗ các kì thi tiếng Anh	3.4	0 (0%)	0 (0%)	5 (1%)	195 (56%)	150 (43%)
2	Để tìm công việc lương cao sau khi tốt nghiệp	3.1	7 (2%)	15 (4%)	24 (7%)	178 (51%)	126 (36%)
3	Để nói tiếng Anh trôi chảy	3.1	15 (4%)	22 (6%)	23 (7%)	142 (41%)	148 (42%)
4	Tiếng Anh được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới	3.0	25 (7%)	36 (10%)	18 (5%)	108 (31%)	163 (47%)
5	Thích nghe nhạc và xem phim bằng tiếng Anh	2.2	67 (19%)	48 (14%)	52 (15%)	103 (29%)	80 (23%)
6	Thích tiếng Anh	2.0	85 (24%)	69 (20%)	44 (13%)	78 (22%)	74 (21%)

Bảng 1. Quan điểm của sinh viên về động lực học tiếng Anh

Bảng 1 cho thấy, có 99% sinh viên hoàn toàn đồng ý và đồng ý với quan điểm học tiếng Anh để thi đỗ các kì thi tiếng Anh (GTTB = 3.4). Điều này là hoàn toàn dễ hiểu vì với sinh viên,

tiệc thi qua môn học là nhiệm vụ hàng đầu và là mục đích chính mà sinh viên cần đạt được. Đứng ở vị trí thứ hai là nhóm động lực có cùng chỉ số GTTB = 3.1. Tuy nhiên, đối với câu hỏi *Để tìm công việc lương cao sau khi tốt nghiệp* có 87% sinh viên hoàn toàn đồng ý và đồng ý, trong khi đó, với câu hỏi *Để nói tiếng Anh trôi chảy* có 83% sinh viên có cùng quan điểm. Đây cũng là hai mục đích mà sinh viên thường đặt ra đối với việc học tiếng Anh. Đối với câu hỏi *Tiếng Anh được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới* được đánh giá ở vị trí thứ tư (GTTB = 3 với 78% sinh viên tham gia đồng ý và hoàn toàn đồng ý). Trong khi đó, câu hỏi *Thích nghe nhạc và xem phim bằng tiếng Anh* và *Thích tiếng Anh* đứng ở vị trí cuối trong nhóm động lực với chỉ số GTTB ≤ 2.2 . Có 44% sinh viên tham gia khảo sát không thích môn học này do đây không phải môn học chuyên ngành cũng như không phải là môn học sở trường của các em.

4.1.2. Về chiến lược học tiếng Anh

Bảng 2 gồm có 9 chiến lược học tiếng Anh. Theo kết quả thu được, các chiến lược được sinh viên đánh giá cao nhất bao gồm: *Sử dụng sự lặp lại để ghi nhớ từ mới* (GTTB = 2.7 với 70% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý); *Thường xuyên ôn tập các bài học tiếng Anh* (GTTB = 2.6 với 64% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý) và *Khi giao tiếp tiếng Anh, yêu cầu người đối diện nói chậm và nhắc lại khi không hiểu* (GTTB = 2.4 với 60% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý). Ngược lại, hai chiến lược: *Sử dụng tiếng Anh theo nhiều cách có thể* và *Đoán nghĩa của từ mới trong tiếng Anh* được đánh giá thấp nhất với tỉ lệ phần trăm sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý lần lượt là 42% (GTTB=1.9) và 39% (GTTB=1.8). Như vậy, có thể thấy, sinh viên không chuyên có chiến lược học ngôn ngữ chưa được phù hợp với bậc học đại học. Việc áp dụng ngôn ngữ theo các cách khác nhau và đoán nghĩa của từ thường được sử dụng ở các bậc học cao nhằm phát huy tối đa sự linh hoạt, chủ động và sáng tạo của người học lại chưa được sinh viên chú trọng.

STT	Chiến lược học tiếng Anh	Giá trị trung bình	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Sử dụng sự lặp lại để ghi nhớ từ mới	2.7	31 (9%)	40 (11%)	35 (10%)	128 (37%)	116 (33%)
2	Thường xuyên ôn tập các bài học tiếng Anh	2.6	38 (11%)	44 (13%)	42 (12%)	117 (33%)	109 (31%)
3	Khi giao tiếp tiếng Anh, yêu cầu người đối diện nói chậm và nhắc lại khi không hiểu	2.4	57 (16%)	52 (15%)	33 (9%)	115 (33%)	93 (27%)
4	Yêu cầu hỗ trợ từ người khác khi gặp khó khăn trong việc học tiếng Anh	2.3	54 (15%)	65 (19%)	49 (14%)	103 (29%)	79 (23%)
5	Tìm kiếm các cấu trúc trong tiếng Anh	2.2	57 (16%)	66 (19%)	51 (15%)	96 (27%)	80 (23%)
6	Tìm kiếm các từ trong tiếng mẹ đẻ tương đương với các từ trong tiếng Anh	2.2	55 (16%)	71 (20%)	50 (14%)	95 (27%)	79 (23%)
7	Đọc lướt các bài đọc tiếng Anh sau đó đọc lại cẩn thận	2.1	62 (18%)	81 (23%)	47 (13%)	87 (25%)	73 (21%)
8	Sử dụng tiếng Anh theo nhiều cách có thể	1.9	85 (24%)	69 (20%)	48 (14%)	81 (23%)	67 (19%)
9	Đoán nghĩa của từ mới trong tiếng Anh	1.8	97 (28%)	74 (21%)	43 (12%)	77 (22%)	59 (17%)

Bảng 2. Quan điểm của sinh viên về chiến lược học tiếng Anh

Có thể nói, việc sử dụng các chiến lược học ngôn ngữ mang tính chất quyết định đối với người học. Khi người học lựa chọn được những chiến lược phù hợp, họ có thể học ngoại ngữ dễ dàng hơn, nhanh chóng hơn, hiệu quả hơn và tự chủ hơn.

4.1.3. Về niềm tin trong việc học tiếng Anh

Quan điểm của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của Niềm tin trong việc học tiếng Anh đối với tính tự chủ được thể hiện rõ trong Bảng 3 dưới đây:

STT	Niềm tin trong việc học tiếng Anh	Giá trị trung bình	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Tin rằng học tập chăm chỉ là chìa khóa để học tốt tiếng Anh	2.5	24 (7%)	55 (16%)	62 (18%)	124 (35%)	85 (24%)
2	Tin rằng mỗi người nên dựa vào bản thân để học tốt tiếng Anh	2.4	33 (9%)	73 (21%)	50 (14%)	118 (34%)	76 (22%)
3	Tin rằng bản thân có thể giải quyết những khó khăn trong việc học tiếng Anh	1.7	79 (23%)	94 (27%)	71 (20%)	59 (17%)	47 (13%)
4	Tin rằng bản thân sẽ học tiếng Anh rất tốt	1.4	90 (26%)	113 (32%)	84 (24%)	39 (11%)	24 (7%)
5	Tin rằng bản thân có năng khiếu học tiếng Anh	1.3	102 (29%)	120 (34%)	68 (19%)	37 (11%)	23 (7%)

Bảng 3. Quan điểm của sinh viên về niềm tin trong việc học tiếng Anh

Khi được hỏi về Niềm tin trong việc học tiếng Anh, hơn nửa số sinh viên tham gia khảo sát tin rằng *Học tập chăm chỉ là chìa khóa để học tốt tiếng Anh* (59%, GTTB=2.5) và *Mỗi người nên dựa vào bản thân để học tốt tiếng Anh* (56%, GTTB=2.4). Niềm tin *Bản thân có thể giải quyết những khó khăn trong việc học tiếng Anh* đứng ở vị trí thứ ba (GTTB=1.7) nhưng không được đánh giá cao (chỉ với 30% sinh viên tham gia hoàn toàn đồng ý và đồng ý). Chưa đến 1/4 sinh viên (18%) tin rằng *bản thân sẽ học tiếng Anh rất tốt* (GTTB=1.4) và *bản thân có năng khiếu học tiếng Anh* (GTTB=1.3). Qua đó, có thể thấy sinh viên không chuyên tiếng Anh thường không tự tin vào bản thân có thể học tốt ngoại ngữ. Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng và kết quả học tập ngoại ngữ của sinh viên.

4.1.4. Về sự lo lắng khi học tiếng Anh

Bản về yếu tố Sự lo lắng khi học tiếng Anh, trong Bảng 4, nhóm tác giả đề cập tới 6 khía cạnh ảnh hưởng trực tiếp tới tính tự chủ của người học.

STT	Sự lo lắng khi học tiếng Anh	Giá trị trung bình	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Sợ thi trượt tiếng Anh	3.3	3 (1%)	6 (2%)	9 (3%)	187 (53%)	145 (41%)
2	Sợ bị giáo viên hỏi khi chưa chuẩn bị kịp câu trả lời	3.2	7 (2%)	11 (3%)	11 (3%)	195 (56%)	126 (36%)

3	Sợ giao tiếp với người khác bằng tiếng Anh	3.0	15 (4%)	22 (6%)	15 (4%)	184 (53%)	114 (33%)
4	Sợ giáo viên và bạn học chê cười khi nói tiếng Anh	2.9	21 (6%)	29 (8%)	9 (3%)	181 (52%)	110 (31%)
5	Sợ khi không hiểu được các bài nghe tiếng Anh	2.6	37 (11%)	46 (13%)	16 (5%)	155 (44%)	96 (27%)
6	Sợ không tập trung được khi học tiếng Anh	2.2	83 (24%)	58 (17%)	12 (3%)	105 (30%)	92 (26%)

Bảng 4. Quan điểm của sinh viên về sự lo lắng khi học tiếng Anh

Theo kết quả của Bảng 4, sự lo lắng của sinh viên khi học ngoại ngữ là khá lớn, đặc biệt sự lo lắng *Sợ thi trượt tiếng Anh* chiếm đến 94%, GTTB = 3.3; *Sợ bị giáo viên hỏi khi chưa chuẩn bị kịp câu trả lời* là 92%, GTTB = 3.2 và *Sợ giao tiếp với người khác bằng tiếng Anh* là 86%, GTTB = 3. Liên hệ với Bảng 1, có thể thấy, do động lực học tiếng Anh để vượt qua các kì thi là mục tiêu chính của sinh viên nên việc sinh viên sợ thi trượt tiếng Anh là hoàn toàn dễ hiểu. Ngoài ra, sinh viên không chuyên tiếng Anh thường không tự tin vào bản thân có thể học tốt tiếng Anh (Bảng 3) nên dẫn đến việc sợ sai khi giao tiếp với giáo viên trên lớp và người khác bằng tiếng Anh. Điều này cũng được thể hiện rõ ở sự lo lắng thứ tư *Sợ giáo viên và bạn học chê cười khi nói tiếng Anh* (có 83% đồng ý và hoàn toàn đồng ý, GTTB = 2.9). Ngoài ra, hai sự lo lắng còn lại *Sợ khi không hiểu được các bài nghe tiếng Anh* (GTTB = 2.6) và *Sợ không tập trung được khi học tiếng Anh* (GTTB = 2.2) cũng được hơn 50% sinh viên tham gia thể hiện sự đồng ý.

4.1.5. Về vai trò của giáo viên

Yếu tố cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là Vai trò của giáo viên đối với tính tự chủ của người học. Yếu tố này được sinh viên đánh giá thông qua bảng phân tích kết quả dưới đây:

STT	Vai trò của giáo viên	Giá trị trung bình	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Tổ chức các hoạt động học tập bổ ích	3.5	0 (0%)	0 (0%)	4 (1%)	182 (52%)	164 (47%)
2	Tạo các cơ hội để sinh viên luyện tập	3.4	0 (0%)	2 (1%)	3 (1%)	193 (55%)	152 (43%)
3	Khuyến khích sinh viên học tiếng Anh một cách tự chủ	3.2	10 (3%)	10 (3%)	23 (7%)	169 (48%)	138 (39%)
4	Giúp sinh viên học tiếng Anh hiệu quả	2.7	37 (11%)	29 (8%)	46 (13%)	122 (35%)	116 (33%)
5	Hỗ trợ sinh viên phát hiện lỗi và sửa lỗi	2.5	54 (15%)	25 (7%)	58 (17%)	106 (30%)	107 (31%)

Bảng 5. Quan điểm của sinh viên về vai trò của giáo viên

Giáo viên đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tính tự chủ của người học. Bảng 5 thể hiện rõ sự đánh giá cao của sinh viên đối với vai trò của giáo viên. Tất cả các vai trò của giáo

lên trong bảng khảo sát đều có chỉ số trung bình cao ($2.5 \leq \text{GTTB} \leq 3.5$). Trong đó, cao nhất là vai trò *Tổ chức các hoạt động học tập bổ ích* với 99% sinh viên tham gia đồng ý và hoàn toàn đồng ý, $\text{GTTB} = 3.5$. Tiếp theo là vai trò *Tạo các cơ hội để sinh viên luyện tập* ($\text{GTTB} = 3.4$ với 93% sinh viên tham gia đồng ý và hoàn toàn đồng ý) và vai trò *Khuyến khích sinh viên học tiếng Anh một cách tự chủ* ($\text{GTTB} = 3.2$ với 87% sinh viên tham gia đồng ý và hoàn toàn đồng ý). Ngoài ra, vai trò của giáo viên trong việc *Giúp sinh viên học tiếng Anh hiệu quả* ($\text{GTTB} = 2.7$) và *Hỗ trợ sinh viên phát hiện lỗi và sửa lỗi* ($\text{GTTB} = 2.5$) cũng được hơn 60% người tham gia công nhận. Qua đó, giáo viên sẽ là một trong những nhân tố trung gian quan trọng trong việc tác động đến động lực, chiến lược học của sinh viên, đồng thời, thúc đẩy niềm tin và giảm bớt sự lo lắng của sinh viên trong việc học tiếng Anh.

4.2. Kết quả phỏng vấn đối với giáo viên

Bảng câu hỏi phỏng vấn được sử dụng để thu thập ý kiến của giáo viên về tính tự chủ, các yếu tố ảnh hưởng tới tính tự chủ và giải pháp thúc đẩy tính tự chủ trong việc học tiếng Anh của sinh viên không chuyên. Bảng hỏi bao gồm sáu câu hỏi, trong đó câu 1 và câu 2 đề cập đến *sự hiểu biết của giáo viên về tính tự chủ*; câu 3 đề cập đến *cách giáo viên giới thiệu tính tự chủ cho người học*; câu 4 nói tới *các yếu tố ảnh hưởng tới tính tự chủ*; câu 5 đề cập đến *vai trò của giáo viên* và câu 6 hỏi về *cách thức thúc đẩy tính tự chủ của người học*.

Khi được hỏi: *Thầy/ cô có biết về tính tự chủ trong việc học ngôn ngữ không?* và *Thầy/ cô từng được đào tạo về tính tự chủ trong việc học ngôn ngữ chưa?*, chúng tôi thấy rằng 100% giáo viên đều khẳng định biết rõ về tính tự chủ của người học do đã chủ động tìm hiểu cũng như tham gia các khóa học và hội thảo liên quan tới chủ đề trên. Vì vậy, tất cả giáo viên đều đã giới thiệu tới sinh viên khái niệm về tính tự chủ của người học với nhiều hình thức khác nhau như: thuyết trình trong các buổi học trực tiếp trên lớp hoặc trực tuyến, cung cấp tài liệu và các trang mạng cho sinh viên đọc và tìm hiểu sâu hơn, đưa ra các câu đố hoặc câu hỏi trắc nghiệm liên quan tới tính tự chủ để sinh viên trả lời với mục đích giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng và bước đầu hình thành được tính tự chủ trong học tập.

Đối với câu hỏi về *các yếu tố ảnh hưởng tới tính tự chủ*, theo kết quả phỏng vấn, 100% giáo viên đều có quan điểm chung về một số yếu tố sau: động lực học ngôn ngữ, chiến lược học ngôn ngữ, sự lo lắng trong việc học ngôn ngữ, sự hướng dẫn và hỗ trợ của giáo viên, khả năng tự học và tự kiểm soát của cá nhân, trình độ ngôn ngữ và sự thích thú học ngôn ngữ của sinh viên. Ngoài ra, có 5 trong số 30 giáo viên chỉ ra các yếu tố bên ngoài như: môi trường học tập (không khí lớp học, văn hóa học đường), phương tiện học tập (trang thiết bị, nguồn tài liệu), nội quy và kỷ luật của cơ sở giáo dục.

Để giúp sinh viên hình thành tính tự chủ, 100% giáo viên tham gia phỏng vấn đều nhấn mạnh *tầm quan trọng của người dạy trong việc thúc đẩy tính tự chủ của người học*. Họ so sánh giáo viên như người dẫn đường, soi sáng cho sinh viên tìm đúng đường đi đến đích. Nếu không có sự hỗ trợ của giáo viên, sinh viên có thể đi chệch hướng trong việc học ngôn ngữ. Vì vậy, giáo viên đã áp dụng một số hoạt động giảng dạy mới để thúc đẩy tính tự chủ của người học. Trên lớp, họ thường yêu cầu sinh viên chủ động và tích cực thực hiện các hoạt động theo cặp, nhóm, cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ và đạt được mục tiêu bài học. Ngoài ra, giáo viên còn có các hình thức giao bài về nhà, như: làm bài tập lớn, quay video, chuẩn bị bài thuyết trình, thực hiện phỏng vấn người nước ngoài, v.v... nhằm giúp sinh viên ngày càng chủ động

hơn trong quá trình học tập. Sinh viên có thể sẵn sàng tự chịu trách nhiệm đối với việc lập kế hoạch học tập, theo dõi tiến độ học tập và đánh giá kết quả học tập.

5. Một số giải pháp nâng cao tính tự chủ của người học

Từ việc phân tích dữ liệu khảo sát của sinh viên và phỏng vấn giáo viên, nhóm nghiên cứu đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao tính tự chủ của người học như sau:

- Tổ chức các hoạt động học tập khác nhau

Việc tổ chức các hoạt động học tập đa dạng, phong phú là điều quan trọng đối với giáo viên tiếng Anh. Các hoạt động học tập bao gồm tổ chức các cuộc thi tiếng Anh (như: hùng biện, diễn kịch, hát, viết thư bằng tiếng Anh), tổ chức các câu lạc bộ tiếng Anh (giữa sinh viên với sinh viên, giáo viên với sinh viên, sinh viên với lưu học sinh, tình nguyện viên hoặc giáo viên nước ngoài), tổ chức các lớp học gia sư (sinh viên khá/ giỏi hỗ trợ sinh viên yếu/ kém). Ngoài ra, giáo viên cũng có thể tổ chức một số hoạt động ngoại khóa cho sinh viên trong nhóm lớp mình giảng dạy như: xem phim tiếng Anh, hội thảo tiếng Anh, v.v... Các hoạt động học tập khác nhau này giúp phát triển khả năng học tập độc lập của sinh viên đồng thời giúp sinh viên có thể giúp đỡ và đưa ra lời khuyên hỗ trợ lẫn nhau.

- Áp dụng các phương pháp giảng dạy mới

Giáo viên dạy tiếng Anh cũng cần áp dụng các phương pháp giảng dạy mới như *lớp học đảo ngược (flipped classroom)*. Đây là một mô hình truyền đạt trong đó các yếu tố bài giảng và bài tập về nhà được đảo ngược cho nhau. Người học nghiên cứu các bài giảng trực tuyến trước buổi học, trong khi đó, thời gian trên lớp dành cho các bài tập, đề án, người học có thể hỏi sâu hơn về nội dung bài giảng đã xem và tham gia vào các hoạt động thực hành, đồng thời người dạy kiểm tra khả năng áp dụng kiến thức của người học.

Bên cạnh đó, giáo viên cũng có thể áp dụng phương pháp *học tập dự án (project-based learning)* và *học tập hợp tác (cooperative learning)* để cung cấp cơ hội cho sinh viên thực hành luyện tập ngôn ngữ trong lớp cũng như ngoài lớp học.

Thông qua các phương pháp giảng dạy mới trên, sinh viên được nâng cao tính tự chủ học tập, chủ động thiết lập mục tiêu học tập, kế hoạch học tập, xác định nội dung học tập, sử dụng các chiến lược học tập phù hợp và tự đánh giá kết quả học tập của bản thân.

- Chú ý đến các yếu tố cá nhân của người học

Các yếu tố cá nhân của người học bao gồm niềm tin trong việc học tiếng Anh, chiến lược học tiếng Anh, động lực học tiếng Anh, sự lo lắng khi học tiếng Anh và khả năng tự chủ trong việc học tiếng Anh.

Như đã được phân tích ở trên, đây chính là các yếu tố ảnh hưởng tới tính tự chủ của người học. Do đó, giáo viên tiếng Anh nên *củng cố niềm tin trong học tập* cho sinh viên vì sinh viên có niềm tin học tập mạnh mẽ sẽ dành nhiều thời gian và năng lượng để học tiếng Anh đồng thời khám phá phương pháp học tập hiệu quả để nâng cao khả năng ngôn ngữ của họ. Ngoài ra, việc nhận thức mức độ quan trọng của chiến lược học tiếng Anh trong việc thúc đẩy tính tự chủ trong học tập cũng rất cần thiết đối với cả giáo viên và sinh viên. Giáo viên cần đưa ra những chiến

ợc học phong phú, sáng tạo thông qua việc cung cấp các dạng bài tập khác nhau đồng thời nh hướng giúp sinh viên tìm ra chiến lược học phù hợp để trau dồi khả năng sử dụng tiếng nh một cách linh hoạt và hiệu quả. Để kích thích động cơ học tập của sinh viên, giáo viên có ể tổ chức các hoạt động học tập như hội thảo, thuyết trình, thảo luận để khơi dậy niềm đam mê c tiếng Anh. Khi sinh viên xác định được động cơ học tập đúng đắn, họ sẽ nỗ lực hết mình và iệt tình tham gia các hoạt động học tập.

Mặt khác, giáo viên tiếng Anh cũng cần tạo ra môi trường học tập thoải mái, dễ chịu nhằm m giảm sự lo lắng, căng thẳng trong việc học tiếng Anh của sinh viên. Môi trường học tập này n lấy người học làm trung tâm, để người học có thể tự bày tỏ quan điểm, ý kiến của bản thân, do trong việc thể hiện kiến thức và kỹ năng tiếng Anh của mình.

Cuối cùng, giáo viên cũng cần chú ý nhiều hơn đến những sinh viên kém tự chủ, bởi vì ững sinh viên này thường không thể hoàn thành bài tập được giao do khả năng tự chủ và khả ing tiếng Anh kém. Từ đó, giáo viên có thể xác định được những vấn đề trong học tập mà ững sinh viên này gặp phải nhằm đưa ra một số hướng dẫn phù hợp với từng cá nhân để cải iện trình độ tiếng Anh.

- Nâng cao vai trò của giáo viên

Vai trò của giáo viên cần được chú trọng trong việc thúc đẩy tính tự chủ của người học. ay người học có thể chủ động và kiểm soát việc học của bản thân nhưng họ vẫn cần có sự róng dẫn và hỗ trợ từ giáo viên. Vì vậy, giáo viên cần kiên nhẫn, khoan dung, đồng cảm, coi ờ,... và không phán xét khi thực hiện giảng dạy ngoại ngữ.

Trong giảng dạy tiếng Anh, giáo viên có nhiều vai trò khác nhau. Thứ nhất, giáo viên là ười hỗ trợ giúp sinh viên nâng cao ý thức tự chủ, đưa ra mục tiêu học tập, xây dựng kế hoạch ảng dạy một cách linh hoạt để có thể đáp ứng nhu cầu cụ thể của người học. Thứ hai, giáo viên ing đóng vai trò là nhà cố vấn học tập, khi đó, họ hướng dẫn sinh viên cách để đạt được mục ầu học tập, tư vấn lựa chọn tài liệu phù hợp cũng như cung cấp nguồn tài liệu đáng tin cậy cho ười học. Cuối cùng, giáo viên giống như cộng tác viên, cùng với sinh viên tham gia vào các ạt động ngôn ngữ để giúp sinh viên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

6. Kết luận

Việc học ngôn ngữ một cách hiệu quả, đặc biệt là tiếng Anh, là một vấn đề luôn được người c, người dạy và các cơ sở giáo dục đại học quan tâm. Đặc biệt, trong thời đại công nghệ thông 1 phát triển, việc tự tìm tòi và chủ động tiếp cận kiến thức luôn cần được người học phát huy. ộng qua nghiên cứu này, nhóm tác giả đã tìm hiểu về tính tự chủ và các yếu tố ảnh hưởng tới h tự chủ của người học tiếng Anh, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao tính tự chủ giúp ười học chủ động xác định mục tiêu học tập, lập kế hoạch học tập, chiến lược học tập cũng ur tự đánh giá kết quả học tập của họ. Đặc biệt, nghiên cứu này cũng khuyến khích giáo viên y tiếng Anh thoát ra khỏi phương pháp giảng dạy truyền thống, hướng tới phương pháp giảng y hiện đại lấy người học làm trung tâm để người học tự nghiên cứu, áp dụng kiến thức tự học io thực hành với sự hướng dẫn và hỗ trợ của giáo viên. Tuy nhiên, điều này cũng cần phải có ột thời gian nhất định để thay đổi suy nghĩ và tư duy của người học và người dạy đồng thời in có sự vào cuộc của các nhà quản lý giáo dục cũng như các cơ sở đào tạo để giúp người học in hình thành và phát triển tính tự chủ trong quá trình học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Carreira J. M., *New framework of intrinsic/ extrinsic and integrative/ instrumental motivation in second language acquisition*, The Keiai Journal of International Studies, No. 16, 2005.
2. Cheng, J. F., *An investigation of learner autonomy among efl students in mainland Chinese universities*, (Unpublished PhD thesis), Universiti Tunku Abdul Rahman, Malaysia, 2019.
3. Deci, E., & Ryan, R. M., *Intrinsic motivation and self-determination in human behavior*, Plenum Press, New York, 1985.
4. Delors, J., *Learning: The treasure within*, Report to UNESCO of the International Commission on Education for the Twenty-First Century, UNESCO, Paris, 1996.
5. Holec, H., *Autonomy and foreign language learning*, Pergamon Press, Oxford, 1981.
6. Huang, S. C., *Taiwanese senior high school students' EFL learning: Focus on learning strategies and learning beliefs*, Dissertation Abstracts International, 58 (03), 780A, 1997. (UMI No. 9727936)
7. Little, D., *Learner autonomy: Definitions, issues and problems*, Authentik, Dublin, 1991.
8. Little, D., *Why focus on learning rather than teaching?* In Little, D., Dam, L., & Timmer, J. (Eds.), *Focus on learning rather than teaching: Why and how?* (pp. 3-17), Centre for Language and Communication Studies, Dublin, Ireland, 2000.
9. MacIntyre, P. D., & Gardner, R. C., *The subtle effects of language anxiety on cognitive processing in the second language*, Language Learning, 44, 283-305, 1994.
10. Morrison, B., *Independent language learning: Building on experience, seeking new perspectives*, Hong Kong University Press, Hong Kong, 2011.
11. Nguyen, T. N., *Learner autonomy in language learning: Teachers' beliefs*, (Unpublished PhD thesis), Queensland University of Technology, Australia, 2014.
12. Oxford, R., *Language learning strategies: What every teacher should know*, Newbury House, New York, 1990.
13. Xu, J. F., Peng, R. Z., & Wu, W., *The investigation and analysis of non-English major students' learner autonomy*, Foreign Language Teaching and Research, (1), 64-68, 2004.